

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG Tiểu học Lê Trọng Tấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2024-2025

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I		1073	200	252	209	215	197
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
III	Số học sinh chia theo Phẩm chất	1073	200	252	209	215	197
1	Yêu nước	1073	200	252	209	215	197
	Tốt	847	180	220	168	140	139
	Đạt	226	20	32	41	75	58
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
2	Nhân ái	1073	200	252	209	215	197
	Tốt	818	170	209	149	151	139
	Đạt	255	30	43	60	64	58
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
3	Chăm chỉ	1073	200	252	209	215	197
	Tốt	672	150	149	132	120	121
	Đạt	401	50	103	77	95	76
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
4	Trung thực	1073	200	252	209	215	197
	Tốt	799	162	212	143	152	130
	Đạt	274	38	40	66	63	67
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
5	Trách nhiệm	1073	200	252	209	215	197
	Tốt	685	154	141	133	135	122



	Đạt	388	46	111	76	80	75
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo năng lực đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5						
1	Tiếng Việt	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	633	138	148	121	108	118
	Hoàn thành	439	62	103	88	107	79
	Chưa hoàn thành	1	0	1	0	0	0
2	Toán	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	638	152	162	113	99	112
	Hoàn thành	433	47	89	96	116	85
	Chưa hoàn thành	2	1	1	0	0	0
3	Khoa học	411				215	197
	Hoàn thành tốt	293				136	157
	Hoàn thành	118				78	40
	Chưa hoàn thành					0	0
4	Lịch sử và Địa lí	412				215	197
	Hoàn thành tốt	248				117	131
	Hoàn thành	164				98	66
	Chưa hoàn thành	0				0	0
5	Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh)	621			209	215	197
	Hoàn thành tốt	294			117	103	74
	Hoàn thành	327			92	112	123
	Chưa hoàn thành	0			0	0	0
6	Tin học	621			209	215	197
	Hoàn thành tốt	302			105	104	93
	Hoàn thành	319			104	111	104
	Chưa hoàn thành	0			0	0	0
7	Đạo đức	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	741	150	175	131	152	133
	Hoàn thành	332	50	77	78	63	64
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

8	Tự nhiên và Xã hội	661	200	252	209		
	Hoàn thành tốt	369	123	128	118		
	Hoàn thành	292	77	124	91		
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0		
9	Âm nhạc	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	442	89	100	82	96	75
	Hoàn thành	631	111	152	127	119	122
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
10	Mĩ thuật	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	470	89	116	96	94	75
	Hoàn thành	603	111	136	113	121	122
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11	Công nghệ	621			209	215	197
	Hoàn thành tốt	489			178	153	158
	Hoàn thành	132			31	62	39
	Chưa hoàn thành	0			0	0	0
12	Giáo dục thể chất	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	460	83	93	97	97	90
	Hoàn thành	613	117	159	112	118	107
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
13	Hoạt động trải nghiệm	1073	200	252	209	215	197
	Hoàn thành tốt	617	123	126	115	124	129
	Hoàn thành	456	77	126	94	91	68
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm học 2024– 2025	1073	200	252	209	215	197
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)	99,81%	18,55%	23,39%	19,48%	20,04%	18,36%
	Trong đó: Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)	27,77%	5,59%	6,34%	5,22%	5,13%	5,49%
	Học sinh tiêu biểu (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)	7,08%	1,49%	1,58%	1,86%	1,68%	0,47%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)	0,09%	0,095%	0,095%	0%	0%	0%

3	Lên lớp (sau khi thi lại)						
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)				0%	0%	0%
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số HS toàn trường)		0%	0%	0%	0%	0%
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)						100%

Yên Nghĩa, ngày 09 tháng 6 năm 2025

Thư trưởng đơn vị



Đỗ Thị Phụng

NG T.P